



BẢN TIN TÀI CHÍNH

THÁNG 10/2011

www.fpts.com.vn

BẢN TIN SỐ 10.2011

THÔNG TIN VĨ MÔ

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG

Tài chính Ngân hàng
Thị trường Chứng khoán

CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT

Nghị định 90: Những điểm mới về phát hành trái phiếu DN từ 01/12/2011

GỐC TRAO ĐỔI DOANH NGHIỆP

Những điểm mới trong nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 124 về Thuế thu nhập doanh nghiệp

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh
Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 3773 7070
Fax: (84-4) 3773 9058

CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

31 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 6290 8686
Fax: (84-8) 6291 0607

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

124 Nguyễn Thị Minh Khai
Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (84-511) 3553 696

THÔNG TIN CHUNG

Một số chỉ tiêu chủ yếu 10 tháng năm 2011 (tăng/giảm) so với cùng kỳ năm 2010 (%)

Đơn vị tính (%)

Chỉ số sản xuất công nghiệp	+7,0
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	+23,1
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+34,6
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+27,2
Khách quốc tế đến Việt Nam	+15,8
Vốn đầu tư ngân sách nhà nước thực hiện so với kế hoạch năm	74,6
Chỉ số giá tiêu dùng 10 tháng đầu năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010	+18,50

VĨ MÔ

Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2011 tăng 0,36% so với tháng trước, trong đó nhóm giáo dục tăng cao nhất với 3,2%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,73%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,63%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,49%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,45%. Các nhóm hàng hoá và dịch vụ còn lại tăng nhẹ hoặc giảm so với tháng trước gồm: Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,3%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,06% (Lương thực tăng 1,27%; thực phẩm giảm 0,49%); bưu chính viễn thông giảm 0,17%; giao thông giảm 0,13%; nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,03%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10/2011 tăng 17,05% so với tháng 12/2010 và tăng 21,59% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân mười tháng năm 2011 tăng 18,5% so với bình quân cùng kỳ năm 2010.

Chỉ số giá vàng tháng 10/2011 giảm 4,22% so với tháng trước; tăng 24,97% so với tháng 12/2010 và tăng 43,18% so với cùng kỳ năm 2010. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2011 tăng 0,39% so với tháng trước; tăng 1,52% so với tháng 12/2010 và tăng 7,55% so với cùng kỳ năm 2010.

FDI

Thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến 20/10/2011 đạt 11273,9 triệu USD, bằng 78,2% cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Vốn đăng ký 8876,2 triệu USD của 861 dự án được cấp phép mới (giảm 29,9% về vốn và giảm 19,3% về số dự án so với cùng kỳ năm trước); vốn đăng ký bổ sung 2397,7 triệu USD của 264 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện mười tháng năm 2011 ước tính đạt 9,1 tỷ USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2010.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài mười tháng năm nay tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 5631,1 triệu USD, chiếm gần 50% tổng số vốn đăng ký, bao gồm 4279,3 triệu USD vốn đăng ký mới và 1351,8 triệu USD vốn tăng thêm; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 2526,8 triệu USD, chiếm 22,4% tổng vốn, bao gồm 2525,7 triệu USD vốn đăng ký mới và 1,1 triệu USD vốn tăng thêm; ngành xây dựng đạt 712,1 triệu USD, chiếm 6,3% tổng vốn, bao gồm 569,9 triệu USD vốn đăng ký mới và 142,2 triệu USD vốn tăng thêm.

Trong mười tháng, cả nước có 47 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới, trong đó Hải Dương dẫn đầu về vốn đăng ký với 2497,7 triệu USD, chiếm 28,1% tổng vốn đăng ký; tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh 1762,8 triệu USD, chiếm 19,9%; Bà Rịa-Vũng Tàu 562,5 triệu USD, chiếm 6,3%; Hà Nội 512,8 triệu USD, chiếm 5,8%; Tây Ninh 481,4 triệu USD, chiếm 5,4%; Bình Dương 364,9 triệu USD, chiếm 4,1%.

Trong số 48 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam mười tháng năm 2011, Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) là nhà đầu tư lớn nhất với 2862,3 triệu USD, chiếm 32,2% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Xin-ga-po 1419,3 triệu USD, chiếm 16%; Nhật Bản 922 triệu USD, chiếm 10,4%; CHND Trung Hoa 585,7 triệu USD, chiếm 6,6%; Hàn Quốc 499,8 triệu USD, chiếm 5,6%; Ma-lai-xi-a 357,8 triệu USD, chiếm 4%.

(Nguồn: Tổng Cục Thống Kê)

XUẤT NHẬP KHẨU

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 10 ước tính đạt 8,3 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng trước và tăng 32,1% so với cùng kỳ năm 2010. Tính chung mười tháng năm 2011, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 78 tỷ USD, tăng 34,6% so với cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 34,8 tỷ USD, tăng 30,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 43,2 tỷ USD, tăng 38,1%.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu mười tháng năm 2011 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, một mặt do lượng xuất khẩu một số mặt hàng tăng, mặt khác do đơn giá xuất khẩu của nhiều mặt hàng trên thị trường tăng và ở mức cao.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, trong chín tháng năm nay Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với gần 12,4 tỷ USD, chiếm 17,8% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước; tiếp đến là thị trường EU với 11,6 tỷ USD, chiếm 16,6% và tăng 48,4%; thị trường ASEAN đạt 9,7 tỷ USD, chiếm 13,9% và tăng 29,2%; Trung Quốc đạt 7,5 tỷ USD, chiếm 10,8% và tăng 58,7%; Nhật Bản đạt 7,5 tỷ USD, chiếm 10,7% và tăng 36,3%.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Mười ước tính đạt 9,1 tỷ USD, giảm 4% so với tháng trước và tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười tháng, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 86,4 tỷ USD, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2010, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 48,1 tỷ USD, tăng 25,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 38,3 tỷ USD, tăng 29,2%.

Trong mười tháng năm nay, kim ngạch nhập khẩu nhiều mặt hàng phục vụ sản xuất trong nước tăng cao so với cùng kỳ năm trước, như: Xăng dầu; điện tử, máy tính và linh kiện; hóa chất; vải; chất dẻo; sản phẩm hóa chất; phân bón; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép.

Thị trường nhập khẩu lớn nhất của nước ta trong chín tháng năm 2011 vẫn tiếp tục là Trung Quốc với kim ngạch là 17,3 tỷ USD, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2010; tiếp đến là thị trường ASEAN với 15,5 tỷ USD, tăng 34%; Hàn Quốc 9,2 tỷ USD, tăng 36%; Nhật Bản 7,4 tỷ USD, tăng 16%; EU 5,4 tỷ USD, tăng 21%.

Nhập siêu hàng hóa tháng Mười ước tính đạt 800 triệu USD, bằng 9,6% kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Nhập siêu mười tháng năm 2011 ước tính 8,4 tỷ USD, bằng 10,8% kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Nếu loại trừ yếu tố vàng thì nhập siêu hàng hóa mười tháng năm nay ước tính 8,9 tỷ USD, bằng 11,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu.

1. Cuối năm: không để tỷ giá nhảy múa

Trong tháng 10, NHNN đã 15 lần điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng, từ 20.628 đồng/USD lên 20.803 đồng/USD (tương đương 0,85%). Song tỷ giá trên thị trường tự do biến động không lớn. Mặc dù vậy vẫn cao hơn tỷ giá niêm yết tại các NHTM gây nhiều khó khăn cho các NHTM trong việc mua ngoại tệ.

Ngày 1/11/2011, NHNN công bố tỷ giá bình quân liên ngân hàng là 20.803 đồng/USD, không đổi 4 ngày liên tiếp. Song, nếu tính từ đầu tháng 10/2011 đến nay, tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 15 lần từ 20.628 đồng/USD lên 20.803 đồng/USD, tương đương mức tăng là 0,85%. Còn tính từ đầu năm đến nay, tỷ giá bình quân liên ngân hàng được điều chỉnh tăng khoảng 10%. Mặc dù vậy, giá mua - bán ngoại tệ trên thị trường tự do hiện chỉ ở mức 21.300/21.400 đồng/USD, thấp hơn nhiều so với thời điểm giữa tháng 10/2011 (21.760 đồng/USD) và thấp hơn cả thời điểm sau khi điều chỉnh tỷ giá thêm 9,3% (21.600 đồng/USD). Tuy nhiên, mức giá này vẫn cao hơn khá nhiều so với tỷ giá niêm yết tại các NHTM. Hiện giá bán USD tại các NHTM đều được niêm yết kịch trần 21.011 đồng/USD, trong khi giá mua chênh lệch không nhiều, chỉ từ 2 - 25 đồng/USD, thậm chí nhiều ngân hàng để giá mua - bán bằng nhau. Lãnh đạo một NHTM trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh cho biết, mặc dù ngân hàng của ông đang có trạng thái ngoại hối dương, nhưng việc mua vào USD gặp khó khăn. Cũng theo ông này, hiện nhiều ngân hàng đang có trạng thái ngoại hối âm. Báo cáo của NHNN TP. Hồ Chí Minh cũng nhìn nhận, việc mua ngoại tệ của các NHTM trên địa bàn trong tuần giữa tháng 10 gặp khó khăn do chênh lệch tỷ giá USD giữa thị trường tự do và ngân hàng khá lớn, nên khó tận thu được số lượng lớn ngoại tệ tiền mặt trong dân vào quỹ ngân hàng. Doanh số mua đạt 306,3 triệu USD trong khi đó doanh số bán đạt 608,5 triệu USD. Thường thì nhu cầu ngoại tệ những tháng cuối năm tăng khá mạnh do nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, hàng hóa phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng dịp tết. Bên cạnh đó là nhu cầu USD để trả nợ. Tuy nhiên, có nhiều cơ sở để đảm bảo đến cuối năm tỷ giá sẽ tăng không quá 1%. Bởi thời gian đáo hạn của các khoản nợ ngoại tệ có thể rải đều ra ở nhiều kỳ, nhiều tháng thì tỷ giá sẽ bị áp lực không lớn lắm. Trong khi, cán cân thanh toán năm nay dự báo sẽ thặng dư khoảng 4-5 tỷ USD và thời gian qua, NHNN đã mua được lượng lớn ngoại tệ nên sẵn sàng bán ra để can thiệp thị trường khi cần thiết.

Hơn thế, dự báo tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2011 tiếp tục duy trì ở mức rất thấp 0,2-0,3% (cơ sở cho dự báo này là nguồn cung đã được chuẩn bị tốt để tránh những cú sốc cung cầu thường xảy ra vào cuối năm). CPI cả năm có thể kiềm chế ở mức 19% cũng sẽ giúp làm giảm sức ép tỷ giá cuối năm. Mặc dù vậy, nhiều chuyên gia cho rằng, cần phải kiểm soát chặt thị trường ngoại tệ tự do, không để tỷ giá tự do nhảy múa, tăng đột biến những tháng cuối năm.

(Nguồn:stockbiz.vn)

2. Cuối tháng 10: Lãi suất bình quân liên ngân hàng có dấu hiệu hạ nhiệt

Theo báo cáo tuần 22-28/10/2011 của ngân hàng nhà nước, lãi suất bình quân qua đêm USD ở kỳ báo cáo ở mức 0,92%/năm, tăng 0,29% so với tuần trước; lãi suất các kỳ hạn còn lại dao động từ 1,10% đến 4,17%/năm. Như vậy, lãi suất huy động và cho vay VND vẫn tiếp tục ổn định. Lãi suất huy động VND bao gồm cả các khoản khuyến mãi không được vượt quá 14%/năm với kỳ hạn trên 1 tháng và sát 6%/năm với không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng. Lãi suất cho vay VND thấp nhất đối với lĩnh vực được ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu ở mức 16-19%/năm.

Trên thị trường liên ngân hàng, tính đến 26/10, doanh số bình quân khoảng 30.212 tỷ/ngày, giảm khoảng 10% so với kỳ báo cáo trước. Trong tuần, các giao dịch tập trung chủ yếu vào các kỳ hạn ngắn, đặc biệt là các giao dịch qua đêm. Doanh số giao dịch qua đêm đạt bằng VND đạt 61.099 tỷ đồng, tương đương 40% tổng doanh số.

Đối với giao dịch VND: Lãi suất giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng ở hầu hết các kỳ hạn đều có xu hướng giảm rõ rệt so với mức bình quân tuần trước, nhất là đối với các kỳ hạn ngắn.

Trong đó, lãi suất bình quân các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần, 3 tháng giảm mạnh, từ 0,49% đến 1,79%/năm

Đối với các giao dịch bằng USD: Các giao dịch bằng USD tập trung chủ yếu vào các kỳ hạn ngắn (dưới 9 tháng). Trong đó, lãi suất bình quân các kỳ hạn qua đêm, 1 tuần và 6 tháng có xu hướng tăng. Lãi suất bình quân qua đêm USD tuần báo cáo ở mức 0,92%/năm, tăng 0,29% so với tuần báo cáo trước; lãi suất các kỳ hạn còn lại dao động từ 1,10% đến 4,17%/năm.

Trong tuần NHNN ban hành văn bản chỉ đạo các TCTD, chi nhánh NHNN các tỉnh triển khai thực hiện nghị định 95/2011/NĐ-CP. Đồng thời đề nghị các cơ quan quản lý phối hợp thực hiện nên tỷ giá diễn biến ổn định. Hiện tỷ giá niêm yết mua, bán VND/USD của các ngân hàng thương mại phổ biến quanh khoảng 21.005/ 21.011 đ/USD.

3. Tháng 10: lừng khùng lãi suất cho vay

Tháng 10, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 0,36%, thấp nhất trong 14 tháng qua. Diễn biến này thấp thêm hy vọng lãi suất cho vay sắp tới sẽ tiếp tục giảm, bởi thời gian qua nhiều lần Ngân hàng Nhà nước nhấn mạnh sẽ điều chỉnh theo tín hiệu lạm phát. Thế nhưng, sau các gói và chương trình đưa ra trong tháng 9 và đầu tháng 10 vừa qua, lãi suất cho vay vẫn lừng khùng. Khả năng giảm tiếp hoặc mở rộng đối tượng được giảm còn gặp trở ngại lớn khi vấn đề thanh khoản hệ thống trở nên nóng với sự leo thang của lãi suất trên thị trường liên ngân hàng. Trong bản tin kinh tế vĩ mô số 5 dự kiến sẽ đến tay



các đại biểu Quốc hội trong tuần này, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội đưa ra một nhận định đáng chú ý, rằng: ***“lãi suất chưa thể giảm đại trà và khả năng tiếp cận tín dụng cũng không phải dễ”***.

Theo Ủy ban Kinh tế, lãi suất vừa qua có giảm nhưng chỉ ở các gói ưu đãi với giá trị nhất định và các doanh nghiệp phải đáp ứng được các điều kiện chặt chẽ từ ngân hàng.

Thứ hai, trong bối cảnh nợ xấu gia tăng, các ngân hàng cũng khá thận trọng cho vay tín dụng, mức lãi suất 17% - 19%/năm vẫn là mức tương đối cao nên các điều kiện tiếp cận cũng khá khắt khe.

Thứ ba, một số ngân hàng nhỏ có thể gặp khó khăn huy động từ thị trường (do trần lãi suất 14%/năm) trong khi thị trường liên ngân hàng vẫn chưa thực sự ổn định nên mặc dù được hỗ trợ thanh khoản từ Ngân hàng Nhà nước nhưng vẫn còn dè dặt hạ lãi suất cho vay một cách đại trà.

Và một lý do nữa, theo cơ quan này, là các ngân hàng vẫn cần thời gian nhất định để tiêu hóa hết lượng vốn giá cao huy động được từ trước.

Một biện pháp trong nỗ lực hạ lãi suất là Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 7/9/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc giữ vững trần lãi suất huy động 14%/năm và chấn chỉnh việc huy động vốn. Mục đích của chính sách mang tính hành chính này là kéo lãi suất cho vay xuống, giảm chi phí vay vốn lên khu vực doanh nghiệp.

Thực thi chính sách vừa qua, một mặt Ngân hàng Nhà nước muốn kiềm chế lạm phát, mặt khác lại muốn chính sách tiền tệ/lãi suất hỗ trợ cho doanh nghiệp. Trong bối cảnh chỉ số giá tiêu dùng CPI của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2011 đã tăng khoảng 22,42% so với cùng kỳ năm trước (và tăng 16,63% so với tháng 12/2010) thì có mối quan ngại về lãi suất thực âm (nếu lạm phát kỳ vọng của thị trường và công chúng chịu sự chi phối bởi lạm phát quá khứ) với nhiều hệ lụy tiêu cực.

Hệ lụy thứ nhất là một dòng vốn sẽ chạy ra khỏi hệ thống ngân hàng để tìm đích đầu tư khác, trong đó có các tài sản rủi ro như vàng, chứng khoán, bất động sản... làm cho hệ thống ngân hàng sẽ càng khan hiếm vốn và do đó khó giảm được lãi suất cho vay (trái với mong muốn của NHNN là giảm lãi suất huy động để giảm lãi suất cho vay).

Thứ hai, một lượng tiền nằm ngoài lưu thông không đi vào hệ thống ngân hàng cũng sẽ trực tiếp gây sức ép lạm phát.

Thứ ba, hệ thống ngân hàng không trở thành kênh huy động nguồn tiết kiệm và vốn nhàn rỗi hiệu quả, làm giảm tỷ lệ tiết kiệm trong nền kinh tế và qua đó làm giãn thêm khoảng cách giữa tiết kiệm và đầu tư và gây sức ép lên cán cân thương mại và thị trường ngoại hối.

Và một hệ lụy nữa là việc giám sát các ngân hàng thương mại sẽ trở nên khó khăn hơn nếu trần lãi suất huy động không phản ánh đúng cung cầu thực sự trên thị trường vốn. Do vậy, vào cuối tháng 9 đã có nhiều quan ngại về việc liệu chính sách tiền tệ có hơi lỏng quá sớm khi kinh tế vĩ mô và lạm phát còn chưa thực sự ổn định. Các tổ chức quốc tế và các chuyên gia kinh tế bắt đầu lo lắng về quyết tâm chống lạm phát và ổn định vĩ mô của Chính phủ. *“Vì thế việc ‘xốc lại’ quyết tâm và truyền tải thông điệp về chính sách tiền tệ chặt chẽ là rất cần thiết bởi cuộc chiến chống lạm phát cần quá trình đủ dài và kiên nhẫn”*, Ủy ban Kinh tế nhìn nhận.

(Nguồn: VnEconomy.vn)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

❖ Diễn biến thị trường tháng 10 và nhận định tháng 11

Chỉ tiêu	ĐVT	HOSE	HNX	UPCOM
Chỉ số đầu tháng	Điểm	426,43	71,34	30,70
Chỉ số cuối tháng	Điểm	420,81	70,21	30,67
Tăng/giảm chỉ số trong tháng	Điểm	-5,62	-1,13	-0,03
Tỷ lệ tăng/giảm chỉ số	%	-1,32%	-1,58%	-0,10%
Tổng khối lượng giao dịch	Triệu	601,8	664,1	3,4
Tổng giá trị giao dịch	Tỷ VNĐ	9.931,9	6.656,1	22,4

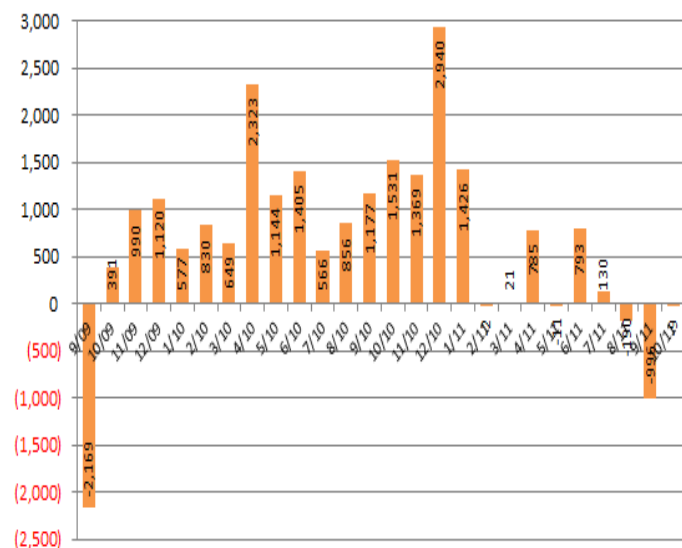
Diễn biến giao dịch của TTCK tháng 10 nhìn chung không tích cực với xu hướng giảm điểm khá rõ nét, có thể chia làm hai giai đoạn như sau:

Giai đoạn I: Trong nửa đầu tháng 10 (khoảng từ 03/10/2011-18/10/2011), thị trường tiếp tục nối tiếp xu hướng giảm điểm kéo dài từ nửa cuối tháng 9 và tiến dần về vùng đáy cũ, cả hai chỉ số đều phá vỡ ngưỡng hỗ trợ Fibo retracement 61.8% của sóng tăng mạnh cuối tháng 8 đầu tháng 9 (VNI lùi dần về vùng đáy 380, HNX lùi dần về vùng đáy 66). Cùng với đó, KLGD cũng sụt giảm dần (nhưng vẫn cao hơn giai đoạn cực thấp từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 8). Hàng loạt cổ phiếu giảm giá khá mạnh, đặc biệt là các cổ phiếu có tính đầu cơ cao và nền tảng cơ bản không được tốt (VSP, PVL, SHN, một số cổ phiếu ngành chứng khoán...). Tuy nhiên, vẫn có một số cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt vẫn giữ được mức giá không giảm theo thị trường (BHS, PHR, TNC, PGS...), thậm chí một số cổ phiếu còn tăng khá mạnh bất chấp diễn biến tiêu cực của thị trường (HVG, TSC, AGD, ACL...).

Giai đoạn II: Từ phiên giao dịch ngày 19/10/2011, đà giảm điểm của thị trường bất ngờ dừng lại (trong lúc nhiều dự đoán thị trường sẽ giảm về ít nhất đến vùng đáy cũ trong tháng 8). Thị trường (HNX) gần như đi ngang từ đây đến cuối tháng 10. Riêng điểm số VN-Index có xu hướng nhích lên nhẹ là do sự tăng giá của một số cổ phiếu vốn hóa lớn (MSN, BVH, VIC...) tác động lên chỉ số, xu hướng chung của các cổ phiếu còn lại vẫn đi ngang. KLGD trong khoảng thời gian này vẫn tiếp tục giảm dần. Tuy nhiên, trong hai phiên giao dịch cuối tháng, cả hai chỉ số bất ngờ tăng khá mạnh và KLGD giao dịch tăng đột biến so với trước đó, nhiều cổ phiếu tăng trần đồng loạt theo sự tích cực của thị trường. Dù vậy, xu hướng tích cực cho thời gian tới vẫn chưa thật sự rõ ràng sau hai phiên tăng mạnh trên.

Chỉ số Upcom-Index cũng có diễn biến gần như tương tự hai chỉ số chính, nhưng trong biên độ hẹp hơn. KLGD vẫn tiếp tục ở mức cực thấp kể từ khi thiết lập.

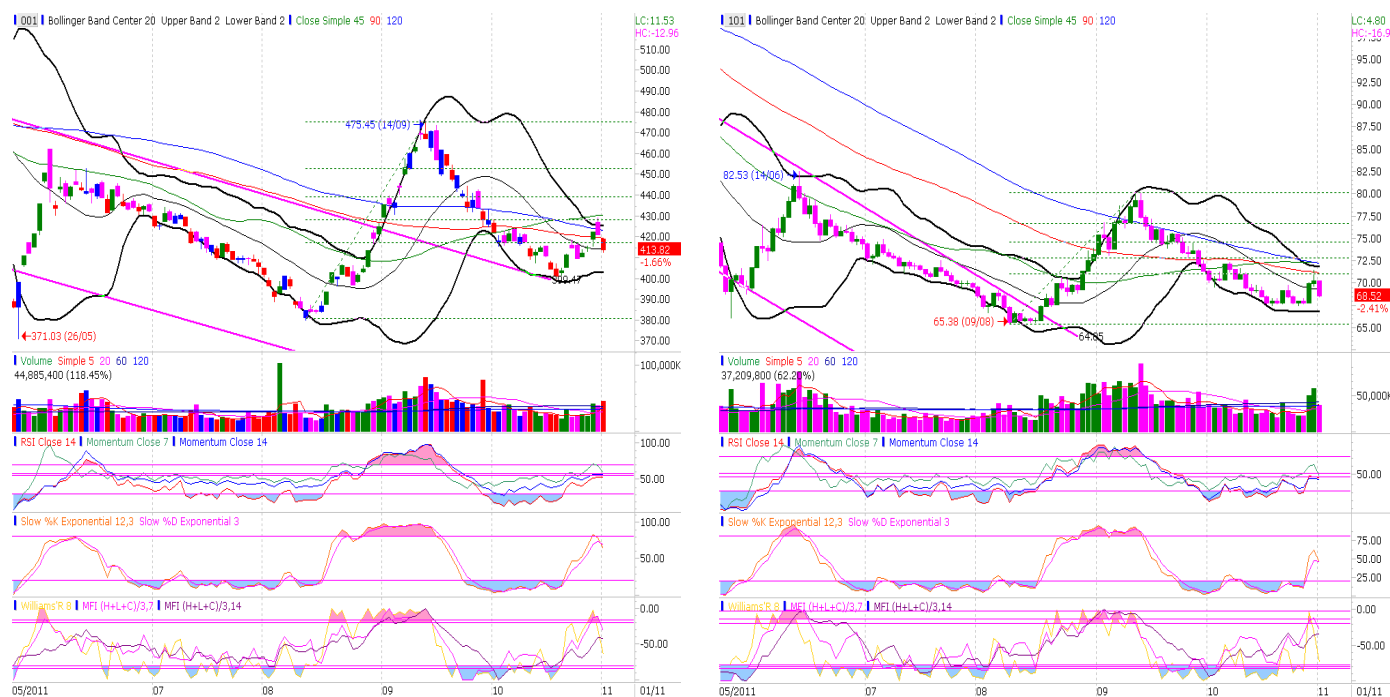
❖ Giao dịch của NĐTNN



Top 10 mua ròng			Top 10 bán ròng		
Mã	KL (Triệu đv)	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã	KL (Triệu đv)	Giá trị (Tỷ đồng)
FPT	2540	127	HAG	-1887	-57
MSN	344	40	VIC	-472	-43
SJS	879	22	CTG	-1156	-27
REE	1878	21	PVS	-1422	-22
ITC	1032	12	ITA	-1852	-18
PGS	480	11	PVF	-1300	-16
VCB	283	7	DPM	-491	-16
PNJ	172	6	IJC	-1171	-15
VSH	591	6	GIL	-416	-12
PVG	413	5	HPG	-411	-11

Đây là tháng bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong năm nay với khối lượng bán ròng là 5,8 triệu đơn vị, trị giá 9 tỉ đồng. Nổi bật trong tháng là việc FPT được mua ròng mạnh 2,54 triệu đơn vị (sau khi bị ETF bán ra mạnh trong tháng trước) với sự thu gom mạnh của Orchid Fund. Quý này đã mua thêm 4,32 triệu cổ phiếu FPT, nâng lượng nắm giữ lên 15 triệu đơn vị, tương đương 7% cổ phần FPT. Ngoài ra, trong tháng cũng diễn ra việc mua/bán tái cơ cấu danh mục của các quỹ ETF đối với một số cổ phiếu như MSN, PNJ, VIC, HAG, CTG, IJC...Điều này đã giúp VN-Index có sự hồi phục khá tốt trong giai đoạn cuối tháng, nhưng nhìn chung không hỗ trợ nhiều cho diễn biến thực của cả thị trường.

❖ Nhận định ngắn cho tháng 10/2011



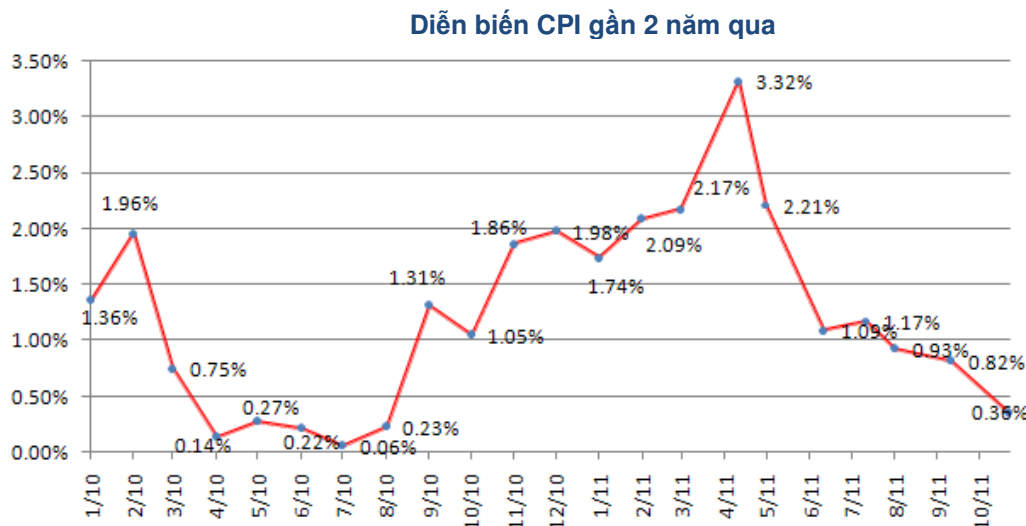
Hai phiên giao dịch tích cực cuối tháng 10 vẫn chưa thể tạo ra tín hiệu mới cho TTCK. Tình hình vĩ mô hiện tại vẫn chưa thật sự có chuyển biến mới. Những lo ngại về sức khỏe của nền kinh tế vẫn còn khi các vấn đề như: cải tổ hệ thống ngân hàng, công ty chứng khoán, nợ xấu, sự tiếp tục “đóng băng” kéo dài của thị trường bất động sản, nhập siêu, tỉ giá có khả năng tiếp tục tăng... vẫn tiếp tục đè nặng lên TTCK (dù các tác động này đã phần nào phản ánh vào TTCK trong thời gian dài vừa qua). CPI trong tháng 11 có thể tiếp tục duy trì quanh mức thấp hiện tại, nhưng nhiều khả năng sẽ không hỗ trợ nhiều cho TTCK. Do đó, chúng tôi cho rằng, TTCK trong tháng 11 sẽ tiếp tục nối tiếp giai đoạn lình xình đi ngang từ cuối tháng 10. Một số ít thông tin tích cực khác từ vĩ mô có thể sẽ xuất hiện trong tháng, nhưng sẽ khó đủ sức để hỗ trợ cho sự đi lên của thị trường.

Dưới góc độ PTKT, đã xuất hiện một chút tín hiệu tích cực vào hai phiên cuối tháng 10 khi điểm số hai sàn tăng khá mạnh kèm KLGD gia tăng mạnh. Tuy nhiên, khả năng tiếp tục duy trì mức thanh khoản cao này trong tháng 11 là khó xảy ra. Cả hai chỉ số chính hiện vẫn tiếp tục dao động quanh quần các mức kháng cự của các đường SMA 45-90-120 và nhiều khả năng chưa thể sớm thoát khỏi các đường này để bước phá. Các chỉ báo như RSI 14, Momentum 7-14, MFI 7-14, Slow stochastic... vẫn đang lơ lửng chưa tạo tín hiệu mới rõ ràng, cũng đang củng cố cho khả năng lình xình đi ngang sắp tới. Cùng với kỳ vọng các thông tin cơ bản đã đề cập ở trên, khả năng TTCK tiếp tục sideway trong tháng 11/2011 là khá cao do dòng tiền vào thị trường vẫn chưa thật sự mạnh và các ngưỡng kháng cự phía trên của hai chỉ số vẫn còn khá nhiều.

❖ Thông tin hỗ trợ

1. Mức tăng CPI tháng 10 tiếp tục giảm mạnh

CPI tháng 10/2011 tăng 0,36% so với tháng 9, tăng 17,05% so với tháng 12/2010 và tăng 21,59% so với tháng 10/2010. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống chỉ tăng 0,06%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,49%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,63%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,73%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,45%; giáo dục là nhóm có mức tăng lớn nhất 3,2%. Cùng với 3 nhóm giảm là nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 0,03%; giao thông giảm 0,13%; bưu chính viễn thông giảm 0,17%.



Nguồn: TTVN

Nhận xét: Việc kiềm chế lạm phát tiếp tục phát ra những tín hiệu tích cực nối tiếp các tháng trước. Tuy nhiên, vấn đề lạm phát đã thực sự không còn là mối bận tâm của nhà đầu tư trong thời gian qua khi TTCK đã không có một chút phản ứng tích cực gì từ thông tin này, do hiện tại có quá nhiều lo ngại khác từ tình hình vĩ mô. Với tình hình hiện tại, chúng tôi dự báo CPI trong tháng tới sẽ tiếp tục quanh mức của tháng này dù vẫn còn một số lo ngại như tăng giá điện, tăng lương....

2. Commonwealth Bank mua 20% cổ phần VIB

Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA) sẽ bỏ thêm 1.150 tỷ đồng để mua thêm 25 triệu cổ phiếu VIB (giá mua khoảng 46.000 đồng/cổ phiếu, trong khi giá VIB hiện tại trên OTC khoảng hơn 10.000 đồng/cổ phiếu), tăng tỷ lệ sở hữu tại VIB từ 15% lên 20% vốn điều lệ. Vốn điều lệ mới nhất của VIB sẽ là 4.250 tỷ đồng. Trước đó, CBA đã chính thức trở thành cổ đông chiến lược của VIB từ đầu tháng 9 với tỷ lệ sở hữu 15% sau khi mua 60 triệu cổ phiếu VIB để nâng vốn điều lệ của VIB lên 4.000 tỷ đồng. Tổng thanh dư VIB thu được sau hai đợt chào bán này là 2.550 tỷ đồng.

CBA là một định chế tài chính lớn nhất tại Úc, đồng thời là ngân hàng bán lẻ hàng đầu ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và được xếp hạng là 1 trong 20 ngân hàng an toàn nhất trên thế giới. CBA cũng là 1 trong 14 ngân hàng có giá trị thị trường lớn nhất thế giới. CBA & VIB đã đạt được thỏa thuận hợp tác vào tháng 4/2010.

Nguồn: ĐTCK

Nhận xét: Với mức giá mua cao hơn 4 lần thị giá hiện tại, cho thấy tiềm năng phát triển dài hạn của VIB đã được CBA đánh giá cao. Đây là sự nối tiếp các thương vụ M&A hợp tác chiến lược khá nổi bật của các ngân hàng Việt Nam với các tổ chức tài chính quốc tế lớn thời gian qua (sau CTG và VCB). Điều đó cho thấy trong bối cảnh nhiều khó khăn của ngành ngân hàng hiện tại, vẫn có những ngân hàng tốt xen lẫn những ngân hàng yếu kém. Việc sàng lọc sẽ được thị trường và nhà đầu tư đánh giá trong thời gian tới.

3. UBCK phạt hành chính 14 công ty vì chậm công bố thông tin

Ngày 18/10/2011, UBCKNN đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 14 công ty niêm yết gồm:

- 7 công ty (TST, TKU, BHV, MAC, SRB, SD5, SDY) bị phạt 80 triệu đồng/công ty do chậm nộp báo cáo tài chính năm 2010 hoặc báo cáo tài chính bán niên, báo cáo quý, chậm công bố thông tin bất thường về Nghị quyết ĐHCĐ hoặc thông tin bất thường về việc thay đổi nhân sự.
- 7 công ty (DNP, BED, NLC, FBT, IFS, ST8, HDG) bị phạt 70 triệu đồng/công ty do chậm nộp BCTC kiểm toán, BCTC định kỳ các quý, chậm nộp báo cáo thường niên.

Riêng FBT còn bị phạt vì chậm công bố thông tin về việc giải trình chứng khoán bị kiểm soát; HDG ngoài việc chậm nộp BCTC công ty mẹ và hợp nhất quý 4/2010, báo cáo định kỳ các quý 3,4/2010, quý 1/2011, còn chậm công bố thông tin theo yêu cầu của Sở ngày 25/1/2011 (nhắc nhở về việc thường xuyên chậm trễ công bố thông tin) và ngày 27/4/2011 (nhắc nhở công bố thông tin qua phần mềm).

Ngoài ra, Theo quy định của Sở, sau khi Công ty chấp hành Quyết định xử phạt phải xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý và nghĩa vụ tài chính của người đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải báo cáo kết quả xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính tới UBCKNN trước ngày 20/11/2011, đồng thời báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các thiếu sót, sai phạm của cá nhân đó.

Nhận xét: UBCK tiếp tục thể hiện sự mạnh xử lý đối với các doanh nghiệp vi phạm về công bố thông tin, khi những bức xúc của nhà đầu tư về nhu cầu minh bạch hóa thông tin trên TTCK tăng cao. Tuy nhiên, các mức phạt hiện tại nhìn chung vẫn còn khá nhẹ tay đối với các vi phạm, vẫn chưa thật sự mang tính răn đe mạnh các doanh nghiệp, khi lợi ích từ sự không minh bạch thông tin vẫn lớn hơn nhiều mức phạt. Thị trường cần sự mạnh tay ban hành những qui định, xử phạt khắc khe hơn nữa từ các cơ quan chức năng về vấn đề công bố thông tin để có thể vực dậy niềm tin của nhà đầu tư vào TTCK.

4. Ngân hàng Quân Đội (MB - MBB) chính thức chào sàn ngày 01/11/2011

Giá chào sàn là 13.800 đồng/cổ phiếu. Ngoài ra, Viettel sẽ tăng tỉ lệ sở hữu lên 18,5% và trở thành cổ động chiến lược của MB. Ngoài ra, room sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài được qui định như sau:

- Dành hạn mức 20% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của MB để bán cho đối tác chiến lược nước ngoài nắm giữ khi cổ phiếu MBB đưa vào niêm yết (tỷ lệ room 20% này sẽ được Trung tâm Lưu ký chứng khoán khóa lại và sẽ được mở giao dịch khi MB công bố/ báo cáo đối tác chiến lược nước ngoài);
- Hạn mức 10% còn lại (trong tổng số 30% cổ phiếu đang lưu hành của MB được sở hữu bởi nhà đầu tư nước ngoài) sẽ được mua bán tự do khi cổ phiếu MBB đưa vào niêm yết giao dịch trên SGDCK TP.HCM.

FPTS tổng hợp

Nhận xét: MBB đã chính thức chào sàn HOSE sau nhiều lần trì hoãn, giúp TTCK có thêm hàng hóa có tính thanh khoản cao để giao dịch. Tuy nhiên, việc giao dịch chính thức cổ phiếu MBB trên sàn có lẽ sẽ không tác động tích cực nhiều đến diễn biến thị trường hiện tại như kỳ vọng.

5. Thị phần môi giới chứng khoán ở hai Sở giao dịch có nhiều khác biệt.

Thị phần môi giới cổ phiếu quý III/2011 ở HOSE

Xếp hạng Quý III/2011	Tên công ty	Thị phần quý III/2011	Thị phần quý II/2011	Xếp hạng quý II/2011	Thị phần quý I/2011	Xếp hạng quý I/2011
1	CTCP CK Sài Gòn (SSI)	15.81%	13.20%	1	11.74%	1
2	CTCP CK TP.HCM (HSC)	8.71%	9.61%	2	6.38%	3
3	CTCP CK Sacombank (SBS)	8.32%	4.87%	5	4.98%	4
4	CTCP TNHH CK ACB (ACBS)	4.72%	5.23%	4	4.80%	5
5	CTCP CK Bản Việt (VCSC)	4.63%	3.42%	7	N/A	N/A
6	CTCP CK KimEng Việt Nam (KEVS)	4.20%	3.16%	9	N/A	N/A
7	CTCP CK Bảo Việt (BVSC)	3.40%	3.17%	8	3.02%	7
8	CTCP CK Thăng Long (TLS)	3.33%	5.99%	3	8.58%	2
9	CTCP CK FPT (FPTS)	3.28%	3.61%	6	3.51%	6
10	CTCP CK Agribank (Agriseco)	2.66%	N/A	N/A	N/A	N/A
Tổng cộng		59.06%				

Thị phần môi giới cổ phiếu quý III/2011 ở HNX

Xếp hạng Quý III/2011	Tên công ty	Thị phần quý III/2011	Thị phần quý II/2011	Xếp hạng quý II/2011	Thị phần quý I/2011	Xếp hạng quý I/2011
1	CTCP CK VNDirect (VNDS)	7.40%	6.78%	2	6.27%	2
2	CTCP CK TP.HCM (HSC)	7.10%	5.67%	4	5.59%	3
3	CTCP CK Thăng Long (TLS)	5.10%	8.00%	1	8.91%	1
4	CTCP TNHH CK ACB (ACBS)	4.73%	4.21%	5	3.59%	7
5	CTCP CK FPT (FPTS)	4.66%	3.90%	6	3.78%	5
6	CTCP CK KimEng Việt Nam (KEVS)	4.47%	3.05%	9	N/A	N/A
7	CTCP CK Sài Gòn (SSI)	4.08%	3.61%	7	3.62%	6
8	CTCP CK Bảo Việt (BVSC)	3.39%	N/A	N/A	N/A	N/A
9	CTCP CK Golden Bridge Việt Nam (GBVS)	2.97%	3.19%	8	N/A	N/A
10	CTCP CK VSM (VSM)	2.83%	N/A	N/A	N/A	N/A
Tổng cộng		46.72%				

❖ Thông tin tiêu cực

6. 80% CTCK không tách bạch tiền gửi nhà đầu tư

Khoản 2, điều 71 Luật Chứng khoán quy định nghĩa vụ của CTCK: "*Quản lý tách biệt chứng khoán của từng NĐT, tách biệt tiền và chứng khoán của NĐT với tiền và chứng khoán của CTCK*". Bộ Tài chính và UBCK cũng đã có nhiều văn bản yêu cầu CTCK phải tách bạch tài khoản. Tuy nhiên, do các văn bản trên chưa quy định rõ ràng khiến việc hiểu tách bạch kiểu gì cũng được và cũng chưa có chế tài xử phạt rõ ràng.

Đa số CTCK hiện nay mới tách bạch tiền gửi NĐT ở tài khoản tổng, tức là CTCK mở một tài khoản tổng tại ngân hàng để NĐT gửi tiền vào tài khoản đó. CTCK không thực hiện việc chi trả và nhận tiền của NĐT mà do ngân hàng làm. Tuy nhiên, CTCK quản lý số tiền đó, nên việc chiếm dụng tiền của khách hàng là vẫn có khả năng xảy ra. CTCK vẫn có thể sử dụng tiền của khách hàng để làm các nghiệp vụ ứng trước, cầm cố, ký quỹ hay chiếm dụng lãi tiền gửi của khách hàng...

Thực tế, chỉ khi nào các NĐT mở một tài khoản tiền tại ngân hàng và mở một tài khoản chứng khoán tại CTCK thì mới có sự tách biệt. Như vậy, CTCK sẽ không can thiệp được vào tài khoản của NĐT.

(Nguồn: ĐTCK)

7. Rúng động vụ lừa đảo của bà Huỳnh Thị Huyền Như trên TTCK

Ngày 6-10, Cục CSĐT tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ - Bộ Công an cho biết đã bắt giữ Huỳnh Thị Huyền Như (SN 1978) để điều tra về các hoạt động lừa đảo tài chính. Hiện bà Như cũng đã bị đình chỉ tư cách thành viên HĐQT của ORS.

Xuất phát từ một người đầu tư cổ phiếu OTC (thị trường cổ phiếu chưa niêm yết), cho vay vốn tự do..., Như đã có tiếng khi "gỡ vốn" cho nhiều cá nhân, tổ chức và giàu lên nhanh chóng vào thời điểm những năm 2006-2007. Bên cạnh đó, Như còn tham gia lĩnh vực bất động sản.

Có thể nói đầu mối liên quan chủ yếu là việc Như thành lập một công ty mở tài khoản tại một ngân hàng lớn tại TPHCM. Mặc dù lĩnh vực hoạt động là đầu tư, kinh doanh bất động sản..., nhưng thực chất công ty này huy động vốn với lãi suất cao từ một số cá nhân, tổ chức rồi thực hiện các dịch vụ đáo nợ ngân hàng. Tài sản cầm cố của những người đáo nợ thường là bất động sản nên khi họ không thể chi trả thì chắc chắn sẽ thuộc về Như. Điều đáng nói là do có sự tiếp tay của một người từ một ngân hàng mà Như càng ngày càng bành trướng. Tại ngân hàng này, cơ quan công an đã kiểm tra và xác định có đến 86 tài khoản được mở liên quan đến Như.

Do đầu tư dàn trải trên thị trường bất động sản nên khi thị trường này đóng băng thì Như lâm vào thế bí. Khi nợ ngân hàng đến hạn, Như phải tiếp tục huy động vốn từ bên ngoài để "đắp chỗ nợ, lấp chỗ kia".

Ngoài ra, Như còn dùng tài khoản của người thân mở tài khoản tại một số công ty chứng khoán khác nhau để đầu tư. Với số vốn lên đến hàng trăm tỉ đồng, Như đã tạo được lòng tin của một công ty chứng khoán có trụ sở tại quận 1 - TPHCM và được công ty này cho vào danh sách khách VIP. Đến khi sự việc vỡ lở, công ty này đã phải “bán tháo” cổ phiếu để mong lấy lại vốn. Theo một nguồn tin, một vài nhân viên môi giới của công ty chứng khoán trên đã cho Như vay vốn với lãi suất cao vì tin tưởng Như đủ năng lực chi trả.

Khoảng vài tháng trở lại đây, để “dụ” các cá nhân bên ngoài gửi tiền, Như đã làm hợp đồng vay vốn giả của ngân hàng. Theo đó, hợp đồng cho vay đã được ngân hàng ký, đóng dấu với tài sản thế chấp là bất động sản lên đến hàng chục tỉ đồng. Khi nhìn thấy hợp đồng này, nhiều người đã tin tưởng và cho Như vay vốn với lãi suất có khi lên đến 7%-8%/tháng. Số tiền mà Như chiếm đoạt của các cá nhân và tổ chức hiện chưa thể thống kê nhưng có thể lên đến hàng trăm tỉ đồng.

(Nguồn: Người lao động)

Nhận xét: Đây là vụ lừa đảo vỡ nợ lớn nhất từ trước đến nay trên thị trường chứng khoán trong bối cảnh các khó khăn của nền kinh tế vĩ mô kéo dài. Vụ án đã gây thiệt hại to lớn về tài sản và tinh thần cho các cá nhân và các tổ chức liên quan. Hiện Vụ án vẫn đang được tiếp tục điều tra làm rõ, nhưng qua đây cũng là lời cảnh báo cho các đối tượng khác nhằm phòng tránh thiệt hại trong các trường hợp tương tự trong tương lai.

8. Gần 80 CTCK bị lỗ trong quý 3/2011

Theo ông Phạm Hồng Sơn, Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh (UBCKNN), hiện có 12 CTCK không đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính (tỷ lệ vốn khả dụng dưới 180%), trong đó 5 công ty rơi vào diện kiểm soát đặc biệt (tỷ lệ vốn khả dụng dưới 120%). Những công ty đó nếu 6 tháng tiếp theo, kể từ tháng 4-2012 nếu không khắc phục được sẽ bị đình chỉ hoạt động.

Số CTCK lỗ trong quý 3 là gần 80, còn số công ty lỗ lũy kế hết quý 3 là gần 70 công ty. Tuy nhiên, kể cả trong số Cty lỗ đó, có nhiều CTCK vẫn “sống khỏe”. Bản thân các CTCK cũng rất nỗ lực trong việc tự tái cơ cấu và duy trì hoạt động bằng nhiều cách khác nhau. Nếu thị trường còn khó khăn kéo dài thì số CTCK trụ lại được có thể chỉ hơn một nửa. Tuy nhiên, nếu thị trường ấm lên thì các CTCK hoàn toàn có thể sống lại. Còn hiện việc cấp phép mới gần như không có.

(Nguồn: Tiền Phong và FPTS tóm lược)

Nhận xét: Việc TTCK khó khăn kéo dài đã tác động nặng nề đến hoạt động của các CTCK, đặc biệt là các CTCK vừa và nhỏ. Các CTCK vẫn đang cố duy trì hoạt động để vượt qua giai đoạn khó khăn hiện tại. Tuy nhiên việc san lốc để tồn tại giữa các công ty sẽ diễn ra ngày càng mạnh hơn, ngay cả khi TTCK trở nên tích cực hơn, số lượng các CTCK còn hoạt động thực sự trong một vài năm tới nhiều khả năng sẽ giảm mạnh.

9. HOSE và HNX công bố “danh sách đen” các cổ phiếu không được giao dịch ký quỹ

Đây là những cổ phiếu rơi vào một trong những trường hợp sau: Thời gian niêm yết dưới 6 tháng; bị rơi vào diện cảnh báo, tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; chậm công bố BCTC; kết quả kinh doanh lỗ (lỗ trong 6 tháng đầu năm 2011 hoặc lỗ lũy kế đến 30/06/2011). Trong danh sách có nhiều cổ phiếu lớn có thanh khoản cao và là “trụ cột” trên thị trường cũng không được phép đưa vào giao dịch ký quỹ (SSI, SAM, KLS, VND, PVA, BVS, VCG....) do phần lớn có kết quả kinh doanh lỗ/lỗ lũy kế. Ngoài ra, UBCK cũng yêu cầu CTCK có nghĩa vụ công bố danh sách chứng khoán mà mình thực hiện giao dịch ký quỹ trên website của mình, các địa điểm kinh doanh và báo cáo SGDCK trong thời hạn 10 ngày giao dịch kể từ ngày Sở công bố danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ. (Danh sách cụ thể xem ở các trang thông tin tài chính).

(Nguồn: FPTS tổng hợp)

Nhận xét: Danh sách được công bố cũng chưa thật sự hợp lý và làm hài lòng các thành viên thị trường, đã khiến thị trường giảm khá mạnh vào ngày công bố. Tuy nhiên, đây là một bước tiến tiếp theo trong việc hợp thức hóa các hoạt động giao dịch ký quỹ đã tồn tại khá lâu nay, hạn chế phần nào các rủi ro từ các giao dịch ký quỹ không được kiểm soát đã tồn tại trước đây.

Ngày 14/10/2011, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 90/2011/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (Nghị định 90). Nghị định 90 có nhiều thay đổi so với quy định hiện hành về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và điều chỉnh cả đối với hoạt động phát hành trái phiếu của các tổ chức tín dụng.

1. Mở rộng phạm vi điều chỉnh

So với các quy định hiện hành, Nghị định 90 đã mở rộng phạm vi điều chỉnh các hoạt động phát hành trái phiếu của doanh nghiệp, cụ thể:

Thứ nhất, Nghị định 90 đã điều chỉnh cả việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của doanh nghiệp.

Hiện tại, việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ở thị trường trong nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ, còn việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2009/NĐ-CP ngày 4/6/2009 của Chính phủ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc phát hành trái phiếu trong nước và việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế có một số điểm tương đồng như về chủ thể phát hành, một số điều kiện phát hành, quản lý nhà nước... Vì vậy, để thống nhất điều chỉnh việc phát hành trái phiếu của doanh nghiệp tại một văn bản, Nghị định 90 được ban hành để thay thế cả Nghị định số 52/2006/NĐ-CP và Nghị định số 53/2009/NĐ-CP hiện hành, điều chỉnh cả việc phát hành trái phiếu riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam và việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế của doanh nghiệp.

Thứ hai, Nghị định 90 điều chỉnh cả việc phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng, tuy nhiên ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành ngân hàng.

Nghị định 90 điều chỉnh cả việc phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, do việc phát hành trái phiếu của các tổ chức tín dụng có những điểm đặc thù, có tính chất của hoạt động nhận tiền gửi và được điều chỉnh bởi các quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Nghị định số 90 có quy định ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành ngân hàng đối với việc phát hành trái phiếu của các tổ chức tín dụng, cụ thể:

- (i) Việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngân hàng, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định 90, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;
- (ii) Trường hợp quy định của pháp luật về ngân hàng khác với quy định tại Nghị định 90, thì tổ chức tín dụng phát hành trái phiếu phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.



Nguồn: saga.com.vn



2. Nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện đối với phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp khi huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu và bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư mua trái phiếu của doanh nghiệp, Nghị định 90 đã quy định các điều kiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo hướng chặt chẽ hơn so với quy định hiện hành. Cụ thể:

Một là, đối với việc phát hành trái phiếu để đầu tư cho các chương trình, dự án, doanh nghiệp phát hành phải đảm bảo duy trì tỷ lệ vốn chủ sở hữu tối thiểu là 20% trong tổng mức đầu tư của chương trình, dự án (khoản 4 Điều 4). Quy định

này nhằm bảo đảm các doanh nghiệp phải có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ mới được phát hành trái phiếu để huy động vốn.

Hai là, đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của năm liền kề trước năm phát hành phải có lãi và phải có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề đó. Tuy nhiên, từ thực tế thực hiện Nghị định số 52/2006/NĐ-CP cho thấy đa số các doanh nghiệp không đủ điều kiện để được phát hành trái phiếu vào quý I do chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm liền kề trước năm phát hành, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ, công ty con, mặt khác, để phù hợp với quy định của các Luật liên quan có quy định về thời hạn kiểm toán (Luật Chứng khoán, Luật các tổ chức tín dụng...), Nghị định 90 đã có quy định riêng đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu trước ngày 01/4 hàng năm chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước. Trường hợp này, doanh nghiệp phải có:

- (i) báo cáo tài chính được kiểm toán của năm trước năm liền kề với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi;
- (ii) báo cáo tài chính quý gần nhất với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi được kiểm toán (nếu có); (iii) báo cáo tài chính của năm liền kề với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt.

Ba là, đối với việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, điều kiện kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp được quy định cao hơn để kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp, bảo đảm an toàn nợ nước ngoài của quốc gia và hạn chế việc gây áp lực lên tỷ giá khi doanh nghiệp đến hạn thanh toán trái phiếu (trả nợ). Cụ thể, Nghị định 90 quy định kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh 3 năm liên tiếp liền kề trước năm phát hành của doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế phải có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Bốn là, một thay đổi đáng lưu ý so với quy định hiện hành là Nghị định 90 quy định báo cáo tài chính được kiểm toán của doanh nghiệp (cả trong trường hợp phát hành trái phiếu trong nước và phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế) phải là báo cáo kiểm toán nêu ý kiến chấp nhận toàn phần (Điều 13 và Điều 23), doanh nghiệp không được phát hành trái phiếu trong trường hợp báo cáo tài chính được kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán.

Năm là, đối với việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp đặc thù như tổ chức tín dụng, Nghị định 90 có quy định bổ sung là phải đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn và các hạn chế khác về bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định tại pháp luật chuyên ngành.

Sáu là, Nghị định số 90 cũng quy định đối với việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thì các đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi phải cách nhau ít nhất 6 tháng để phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán.

3. Quy định rõ hơn về thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước

Đối với các doanh nghiệp thông thường, doanh nghiệp tự quyết định phương án phát hành trái phiếu và tự chịu trách nhiệm về việc phát hành trái phiếu của mình. Đối với các doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ), để kiểm soát chặt chẽ việc vay nợ thông qua hình thức phát hành trái phiếu, tránh tình trạng vay nợ tràn lan, không hiệu quả, dẫn đến không có khả năng trả nợ, Nghị định 90 đã quy định rõ hơn thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước.

Đối với trường hợp phát hành trái phiếu trong nước, phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước phải được chủ sở hữu xem xét, chấp thuận trước khi tổ chức phát hành, cụ thể: (i) Đối với doanh nghiệp nhà nước 100% vốn Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, thì phương án phát hành trái phiếu phải được Bộ quản lý ngành kinh doanh chính xem xét, chấp thuận; (ii) Đối với doanh nghiệp Nhà nước 100% vốn Nhà nước do Bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập và làm chủ sở hữu, thì phương án phát hành trái phiếu phải được Bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, chấp thuận; (iii) Đối với doanh nghiệp nhà nước được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, thì phương án phát hành trái phiếu phải được tổ chức được giao chức năng đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét chấp thuận (Điều 15).

Đối với trường hợp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước phải được chủ sở hữu thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận. Điều đó cho thấy xu hướng quản lý chặt chẽ việc vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước (tất cả các trường hợp đều phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận), bảo đảm hiệu quả trong việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

4. Bổ sung thêm phương thức phát hành trái phiếu

Theo quy định hiện nay (tại Nghị định số 52/2006/NĐ-CP), doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo một trong 3 phương thức: (i) Đấu thầu phát hành, (ii) Bảo lãnh phát hành; và (iii) Đại lý phát hành.

Tuy nhiên, để phù hợp với thực tế phát hành trái phiếu của các tổ chức tín dụng và thực tế các tổ chức tín dụng cũng là các tổ chức có nghiệp vụ phát hành trái phiếu (có thể tự phát hành trái phiếu mà không cần thông qua đại lý hoặc bảo lãnh phát hành), Nghị định 90 đã bổ sung thêm phương thức phát hành trái phiếu của tổ chức tín dụng. Cụ thể, bên cạnh 3 phương thức là đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành, Nghị định 90 quy định tổ chức tín dụng được phát hành trái phiếu bằng phương thức bán trực tiếp cho các nhà đầu tư (Điều 17).

5. Quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài đối với việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế

Việc phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế là một trong các hình thức vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Do đó, Nghị định 90 quy định đối với trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định 90 còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về vay và trả nợ nước ngoài (Điều 4).

Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế phải làm các thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức xác nhận đăng ký trị giá trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra thị trường quốc tế theo hạn mức vay thương mại nước ngoài hàng năm của quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Điều 25, Điều 35).

Tóm lại, các quy định của Nghị định 90 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp chủ động trong việc huy động vốn thông qua kênh phát hành trái phiếu, góp phần hỗ trợ việc hình thành và phát triển thị trường vốn, thị trường trái phiếu ở Việt Nam, mặt khác cũng tạo cơ sở pháp lý tăng cường quản lý, giám sát đối với việc phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp để hoạt động này an toàn, hiệu quả hơn./. (Nguồn: SBV)

GÓC TRAO ĐỔI DOANH NGHIỆP

Những điểm mới trong nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 124 về Thuế thu nhập DN

Sau hơn hai năm thực hiện, Nghị định 124 được xem là đã “phát huy tác dụng”, trong đó việc thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông hạ từ 28% xuống 25% đã góp phần thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh. Nghị định cũng quy định thu hẹp diện ưu đãi theo ngành nghề, lĩnh vực, chỉ áp dụng mức ưu đãi cao nhất cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn cần đặc biệt khuyến khích đầu tư và những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, qua đó tập trung được nguồn lực tài chính phát triển những ngành nghề mũi nhọn và phát triển kinh tế, xã hội của những địa bàn có điều kiện khó khăn, giảm sức ép đầu tư từ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Nghị định 124 đã phát sinh một số vướng mắc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

Bộ Tài chính đã chính thức trình Chính phủ dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 124/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, theo đó mức thuế phải đóng của các doanh nghiệp có thể sẽ thay đổi đáng kể:

Quy định chi tiết về chuyển nhượng chứng khoán

Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán, Nghị định 124 quy định nguyên tắc về việc xác định thu nhập của hoạt động chuyển nhượng vốn được trừ giá mua của phần vốn chuyển nhượng, tuy nhiên chưa có quy định về các khoản thặng dư vốn cổ phần phát sinh khi công ty cổ phần phát hành cổ phiếu lần đầu hoặc phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn.

Trường hợp có hoạt động chuyển nhượng vốn nhưng không nhận bằng tiền mà nhận bằng tài sản, lợi ích vật chất khác như cổ phiếu, chứng chỉ quỹ có phát sinh thu nhập. Những khoản thu nhập này có phải kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp?

Hướng xử lý của Bộ Tài chính là trường hợp công ty cổ phần thực hiện phát hành cổ phiếu lần đầu hoặc phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn thì phần chênh lệch lớn hơn giữa giá phát hành và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần và không tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thặng dư vốn cổ phần.

Trường hợp doanh nghiệp có chuyển nhượng vốn không nhận bằng tiền mà nhận bằng tài sản, lợi ích vật chất khác (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ....) có phát sinh thu nhập thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp cổ phần tiến hành chia tách, hợp nhất, sáp nhập mà phải thực hiện hoán đổi cổ phiếu tại thời điểm chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì cổ đông của các doanh nghiệp này có cổ phiếu bị hoán đổi có phải kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần chênh lệch do hoán đổi cổ phiếu ngay tại thời điểm hoán đổi?

Trường hợp doanh nghiệp cổ phần tiến hành chia tách, hợp nhất, sáp nhập mà phải thực hiện hoán đổi cổ phiếu tại thời điểm chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì cổ đông (là tổ chức) của các doanh nghiệp này nếu có phát sinh thu nhập do hoán đổi cổ phiếu thì phải kê khai, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm thực hiện hoán đổi cổ phiếu.

Vấn đề thuê và chuyển nhượng bất động sản

Một trong những nội dung được các doanh nghiệp bất động sản đặc biệt quan tâm là cách tính doanh thu tính thuế đối với hoạt động cho thuê lại đất đã trả tiền một lần cho nhiều năm. Nghị định 124 quy định: trong trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước.

Dự thảo nghị định mới đã bổ sung quy định trường hợp bên thuê trả tiền thuê trước cho nhiều năm và chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng tài sản thì được lựa chọn xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc tính toàn bộ số tiền cho thuê thu trước cho nhiều năm vào năm thu tiền; trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế, việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp của số năm trả tiền trước chia cho số năm bên thuê trả tiền trước.

Ngoài ra, để phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, dự thảo nghị định đã bổ sung “thu nhập từ chuyển nhượng nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó không phân biệt có hay không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất; thu nhập từ chuyển nhượng các tài sản khác gắn liền với đất đai” vào khái niệm về thu nhập từ bất động sản quy định tại điều 13 Nghị định 124.

DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Tư vấn cổ phần hóa
- Tư vấn chào bán chứng khoán
- Tư vấn phát hành
- Tư vấn niêm yết
- Tư vấn tái cấu trúc vốn
- Tư vấn bảo lãnh phát hành
- Tư vấn lập dự án đầu tư
- Tư vấn thẩm định dự án đầu tư
- Tư vấn định giá
- Dịch vụ rà soát đặc biệt
- Tư vấn dự báo tài chính

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM CỦA FPT

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi FPT dựa vào các nguồn thông tin mà FPT coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Cá nhân/tổ chức sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích FPT. Cá nhân/tổ chức sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

FPT có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Các thông tin liên quan có thể được xem tại www.ezsearch.fpts.com.vn hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu.